

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2020

*“V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXX-ST ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Đào Thị D – sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

-Bị đơn: Ông Trần Văn H – sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị D trình bày:

Bà Đào Thị D và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống từ năm 1996 nhưng đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Ông, bà có 02 con chung là cháu Trần Thiên H – sinh năm 1997 và cháu Trần Vũ H – sinh năm 2000.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên rượu chè về nhà gây gỗ, đánh đập vợ con. Bà D đã cố gắng hàn gắn nhưng ông H không thay đổi tính cách nên không đạt được kết quả. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông H nên mong tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn H.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên các cháu muốn sống cùng ai thì các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quá trình kết hôn và có con chung như bà D đã trình bày là đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng ông H xác định là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do bà D tự ý bỏ nhà đi và có một số mâu thuẫn về tiền bạc, có đôi lúc ông H có quá chén nên vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau. Hiện nay ông H xác định không còn tình cảm với bà D nhưng vì tương lai của các con nên ông H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên các cháu muốn sống cùng ai thì các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị D và ông Trần Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H

là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét về tình trạng hôn nhân bà D và ông H đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống, nguyên nhân là do ông H thường xuyên rượu chè nên vợ chồng xảy ra gây gổ, cãi vã. Tại phiên tòa bà D và ông H xác định không còn tình cảm với nhau. Hiện nay bà D và ông H vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã cho vợ chồng thời gian về suy nghĩ và giải quyết mâu thuẫn nhưng ông H không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Trần Thiên H – sinh năm 1997 và cháu Trần Vũ H – sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên sống cùng ai là quyền quyết định của các cháu.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Đào Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82; 83; 107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng: khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị D. Bà Đào Thị D được ly hôn ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Thiên H – sinh năm 1997 và cháu Trần Vũ H – sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên sống cùng ai là quyền quyết định của các cháu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đào Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0007862 ngày 12 tháng 5 năm 2020.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND X.HT, TP BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P.Thành Công;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ VĂN TÚ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục Thi hành án Tp. BMT;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Văn Tú